TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quốc
Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Diễm M**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp CNB, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Bạch Đ**, sinh năm 1984 (vắng mặt)
HKTT: Ấp CNC, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở: K7, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018, nguyên đơn chị Trương Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Nguyễn Bạch Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Bạch Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Nguyễn Trương Ánh N (nữ), sinh ngày 28/4/2010 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/9/2012, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2018, bị đơn Nguyễn Bạch Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trương Diễm M về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Anh Đ yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như lời trình bày của chị M là đúng. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: 05 lượng vàng 24K; 01 võ máy xe; 02 chiếc xe máy.

Về nợ chung gồm có: Nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Trần Văn Thời 60.000.000 đồng; nợ bà Lê Thị N 21.000.000 đồng; nợ ông Trương Hùng C 03 chưng hụi, loại hụi 1.000.000 đồng và 500.000 đồng; nợ ông Nguyễn Quốc P 02 chưng hụi, loại hụi 5.000.000 đồng; nợ ông N 8.700.000 đồng; nợ bà H 4.000.000 đồng.

Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã ấn định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 24/5/2018, anh Đ phải nộp đơn phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung do phía anh Đ đặt ra để Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Tuy nhiên, đã hết thời hạn nêu trên mà anh Đ vẫn không nộp đơn phản tố nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đồng thời, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để hòa giải và xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh Đ theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Diễm M và anh Nguyễn Bạch Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Anh Đ xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh yêu cầu được đoàn tụ với chị M. Chị M xác định không còn tình cảm yêu thương anh Đ, hôn nhân không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, chị M thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh Đ và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, chị M và anh Đ có với nhau được 02 người con chung tên Nguyễn Trương Ánh N (nữ), sinh ngày 28/4/2010 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/9/2012, hiện đang sống chung với chị.

Khi ly hôn, chị M và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi chị M và Đ ly thân với nhau cho đến nay thì 02 con chung vẫn do chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Trương Ánh N có nguyện vọng được ở với chị M. Xét đây là ý chí, nguyện vọng của cháu N và để đảm bảo cho các cháu được ổn định về cuộc sống và sự phát triển về mặt tâm sinh lý sau này. Do đó, cần giao các con chung cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có. Anh Đ xác định có tài sản chung và nợ chung nhưng không thực hiện thủ tục yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung theo quy định pháp luật nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Diễm M được ly hôn với anh Nguyễn Bạch Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trương Ánh N (nữ), sinh ngày 28/4/2010 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/9/2012 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có. Anh Đ xác định có tài sản chung và nợ chung nhưng không thực hiện thủ tục yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung theo quy định pháp luật nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Diễm M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 04/5/2018 chị M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008107 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, Chị M, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KH, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang